

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**(Theo QĐ số 1643/QĐ-ĐHQG ngày 28/12/2018 của Phó Giám đốc
ĐHQG-HCM)**

Giai đoạn 2018-2022

Tên ngành đào tạo	: Kế toán tài năng
Mã số	: 52.34.03.01
Trình độ đào tạo	: Đại học

TP. HỒ CHÍ MINH – 3/2019

Số: 1643/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án đào tạo chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học
của Trường Đại học Kinh tế - Luật giai đoạn 2018-2022**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 200/QĐ-ĐHQG ngày 07/3/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 (Đề án tài năng của ĐHQG-HCM);

Căn cứ Biên bản số 2227/ĐHQG-ĐH ngày 19/9/2018 của ĐHQG-HCM về việc Hợp Hội đồng thẩm định đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hoàn thiện theo góp ý của Hội đồng tại công văn số 489/DHKTL-ĐT ngày 19/12/2018,

Xét đề nghị của Trường ban Ban Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. ĐHQG-HCM hỗ trợ và cấp kinh phí đào tạo các chương trình tài năng của Trường Đại học Kinh tế - Luật theo quy mô tuyển sinh, đào tạo được quy định tại Bảng 3 Phụ lục 1 Đề án tài năng của ĐHQG-HCM.

Điều 3. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm tuân theo chỉ tiêu đăng ký theo Đề án của Trường Đại học Kinh tế - Luật và theo quy định tại Đề án tài năng của ĐHQG-HCM.

Điều 4. Nội dung chương trình, học chế đào tạo và thời gian đào tạo

- Nội dung chương trình: theo chương trình đã đăng ký trong Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật đã được phê duyệt.
- Học chế đào tạo: tín chỉ.
- Thời gian đào tạo chính thức: áp dụng từ năm học 2018-2019.

Điều 5. Đánh giá, báo cáo và cập nhật chương trình đào tạo

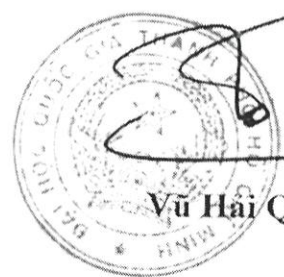
- Trường Đại học Kinh tế - Luật tiến hành rà soát, đánh giá chương trình tài năng hàng năm và báo cáo về Ban Điều hành Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018 -2022 của ĐHQG-HCM.
- Trường Đại học Kinh tế - Luật thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với kế hoạch chiến lược của Trường và của ĐHQG-HCM.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Trường Ban Đại học, Trường các Ban chức năng có liên quan, Ban Điều hành Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018 – 2022 tại ĐHQG-HCM, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Ban Điều hành Đề án chương trình đào tạo tài năng trình độ đại học giai đoạn 2018-2022 của Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, Ban DH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hải Quân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế - Luật)

Tên chương trình: **KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **KIỂM TOÁN –Cử nhân tài năng**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Mã ngành đào tạo: **52.34.03.02**

Trưởng nhóm dự án: **TS Nguyễn Thị Lan Anh**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tài năng là chương trình thách thức và sáng tạo, đem đến cho sinh viên tiềm năng một cơ hội khám phá tri thức mới; một môi trường trải nghiệm đặc biệt, ở đó thúc đẩy tinh thần đột phá, khẳng định bản thân, tinh thần hợp tác; một môi trường ươm mầm cho người lãnh đạo tương lai, có đủ năng lực giải quyết những tồn tại, định hướng những xu thế mới trong những chủ đề mang tính chất đa ngành, đa lĩnh vực ở phạm vi toàn cầu. Chương trình đào tạo cử nhân tài năng Kiểm toán đào tạo nguồn nhân lực có nhằm đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng cao và chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập; năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức, có khả năng nghiên cứu và tư vấn chính sách trong lĩnh vực kiểm toán.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1. Có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội và chuyên sâu về kiểm toán.
2. Có kỹ năng nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp thành thạo, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
3. Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt. có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của môi trường xã hội và nghề nghiệp.
4. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra

Đề mục	CĐR chương trình	Cấp bậc nhận thức theo thang đo của Bloom
1	Kiến thức (Technical Competence- IFAC)	
1.1	<i>Kiến thức chung về tự nhiên xã hội:</i> Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế quản lý giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội	3
1.2	<i>Kiến thức chung về ngành Kế toán Kiểm toán:</i> Áp dụng kiến thức cơ sở ngành KTKT để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và am hiểu kiểm toán	4
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành Kế toán:</i> Áp dụng kiến thức chuyên ngành KT giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán	4
2	Kỹ năng chuyên môn (Professional Skills-IFAC)	
2.1	<i>Kỹ năng phân tích:</i> Phân tích, hoạch định và đưa giải pháp trong lĩnh vực kế toán	4
2.2	<i>Kỹ năng nghiên cứu:</i> Nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Kế toán	3
2.3	<i>Kỹ năng tổ chức quản lý:</i> Có khả năng tổ chức và quản lý trong hoạt động nghề nghiệp Kế toán	4
2.4	<i>Kỹ năng xử lý thông tin:</i> Có khả năng ứng dụng các công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực Kế toán	4
3	Giá trị nghề nghiệp (Professional Values IFAC)	
3.1	Được chấp nhận là thành viên của các tổ chức nghề nghiệp trong nước hoặc quốc tế	3
3.2	Có khả năng học tập suốt đời. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	4
3.3	Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau	4
4	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán (Practical Experience IFAC)	
4.1	Thực hành công việc kế toán, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp.	4
4.2	Thực hành công việc kiểm toán nội bộ, trợ lý kiểm toán, trong các doanh nghiệp kiểm toán và các tổ chức khác.	4
4.3	Đảm trách công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp.	4
5	Thái độ chuyên nghiệp (Professional Attitudes IFAC)	
5.1	Có khả năng tham gia và quản lý nhóm hiệu quả	3
5.2	Có khả năng quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học	4
6	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics IFAC)	
6.1	Có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng	4
6.2	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp	3
6.3	Có ý thức và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội	4

Ghi chú: 1 Nhận biết; 2 Hiểu; 3 Ứng dụng; 4 Phân tích

3. Ma trận chuẩn đầu ra – môn học:

Bảng 1. Ma trận Chuẩn đầu ra các môn học

MA TRẬN ĐẦU RA- MÔN HỌC BẮT BUỘC

Môn học bắt buộc	Chuẩn đầu ra																	
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.1	6.3
Môn học cơ bản																		
1.Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lê nin	x															x		x
2.Đường lối CM Đảng CSVN	x															x		x
3.Tư tưởng HCM	x															x		x
4.Lý luận nhà nước và pháp luật	x															x	x	
5.Toán cao cấp	x				x										x			
6.Lý thuyết xác suất	x	x																
7.Kinh tế học vi mô	x													x				
8.Kinh tế học vĩ mô	x													x				
9.Quản trị học căn bản	x	x																
10.Quản trị chiến lược	x				x	x				x				x	x			
11.Thống kê ứng dụng		x			x										x			
Môn học cơ sở ngành																		
1.Nguyên lý kế toán		x						x	x								x	
2.Luật Doanh nghiệp		x															x	
3.Nguyên lý thị trường tài chính		x		x														
4.Kinh tế học quốc tế		x											x	x				
5.Marketing căn bản		x						x	x									
Môn học chuyên ngành																		
1.Kế toán tài chính			x		x						x			x	x			
2. Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)			x	x	x			x	x				x	x		x	x	
3. Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 1)			x	x	x			x	x				x	x		x	x	
4.Thuế - Thực hành và khai báo						x	x	x	x				x	x	x		x	x
5.Kế toán quản trị			x	x	x	x		x		x	x			x	x			x
6.Lý thuyết kiểm toán		x						x	x			x					x	
7.Kiểm toán phân hành (Kiểm toán 1)								x	x			x			x		x	
8.Kiểm toán nâng cao (kiểm toán 2)			x			x		x				x						
9.Kiểm soát và kiểm toán NB			x		x				x			x	x				x	
10.Phân tích BCTC			x	x					x				x	x				
11.Đạo đức nghề nghiệp và QTDN								x		x						x	x	x

12.Hệ thống thông tin kinh doanh		x				x	x											
13.Quản trị TC (Tài chính doanh nghiệp)		x		x										x				
14.Kế toán quốc tế			x		x					x	x			x	x			x
15.Quản trị rủi ro		x	x										x					
16.Hệ thống thông tin KT					x		x	x			x		x		x			
17.Thực tập cuối khóa			x		x					x		x	x		x		x	

Tổng cộng 33 môn học

MA TRẬN ĐẦU RA – MÔN HỌC TỰ CHỌN

Môn học tự chọn	Chuẩn đầu ra																	
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	6.3
Môn học cơ bản																		
1.Tâm lý học đại cương								x	x	x	X	x	x					
2.Logic học				x	x	x												
3.Nhập môn KH giao tiếp								x	x					x				
4.Văn hóa học	x									x								x
5.Xã hội học	x									x								x
6.Địa chính trị thế giới	x													x				
7.Quan hệ quốc tế		x												x	x			
8. Kinh tế lượng		x			x										x			
Môn học cơ sở ngành:																		
1.PP nghiên cứu KH					x							x		x	x			
2.Kỹ năng làm việc theo nhóm								x			x	x	x	x		x		
3.Tin học ứng dụng		x					x					x	x	x	x			
4. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo						x								x	x	x	x	x
Môn học chuyên ngành:																		
1. Tài chính quốc tế			x	x									x	x				
2.Thanh toán quốc tế								x		x				x				x
3.Ngân hàng		X		x														
4.Kế toán ngân hàng			x		x			x	x		x						x	
5. Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)			x	x	x			x	x				x	x		x	x	
6.Thị trường chứng khoán		x										x	x					
7.Kế toán Quản trị nâng				x		x		x	x	x								

cao																		
8.Kế toán phần hành 1 (Sổ sách và báo cáo kế toán)					x						X	x	x		x	x	x	
9.Kế toán phần hành 2 (Tin học kế toán)			x		x	x	x	x					x	x	x	x		
10. Chuẩn mực Trình bày BCTC quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)			x		x					x	X			x	x			
11.Khuôn mẫu khái niệm kế toán quốc tế (Lý thuyết và khái niệm kế toán)		X			x			x	x									
12. KLTN			x		x					x		x	x		x		x	

Tổng cộng 24 môn học

4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận công việc của một kiểm toán viên hoặc một chuyên viên kế toán tại tất cả các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước;
- Các định chế tài chính trung gian (ví dụ như các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư thuộc các khu vực, thành phần kinh tế trong và ngoài nước, trung tâm giao dịch chứng khoán);
- Các công ty kiểm toán trong và ngoài nước;
- Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính, tư vấn dịch vụ kế toán và kiểm toán trong và ngoài nước.

Khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán trong và ngoài nước.
- Cung cấp dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp.
- Kiểm tra, đánh giá và tư vấn về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức.
- Phân tích báo cáo tài chính cho các công ty về tư vấn tài chính, tổ chức tín dụng.
- Kiểm tra và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của các tổ chức được lập theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam/quốc tế.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

- Cử nhân ngành kiểm toán có thể tiếp tục học bằng hai, sau đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc khối ngành kinh tế trong và ngoài nước.
- Cử nhân ngành kiểm toán có thể tiếp tục học để được cấp chứng chỉ nghề nghiệp do các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp tổ chức và tham gia là thành viên của các hiệp hội kế toán VN và quốc tế như chứng chỉ CPA (Việt Nam), CPA (Úc), ACCA, ICAEW (Anh); CMA, CIA (Mỹ)...

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng).

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành			
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành	Ngành	TTCK+ (KLTN hoặc các HPCM)
Đại học	4 năm	130	41	89	19	60	10 (4+6)

7. Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

8.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 HK:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: HK 1, 2, 3 và 4.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: HK3 và 4.
- Khối kiến thức ngành: HK 3, 4, 5, 6 và 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học học phần chuyên môn: HK8.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

10. Quy trình tuyển chọn và quản lý sinh viên tài năng

10.1 Tuyển chọn sinh viên tài năng

- Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường
- Sinh viên chương trình tài năng có thể bắt đầu được tuyển chọn từ năm thứ nhất và hoặc năm thứ hai với chỉ tiêu xác định.
- Sinh viên phải có kết quả tuyển sinh cao và/hoặc điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) lớn hơn hoặc bằng 7,5; Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào lớp kỹ sư tài năng.
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.
- Ban điều hành đề án cấp Khoa chịu trách nhiệm thực hiện công tác sàng lọc và xét tuyển bổ sung. Quyết định chuyển đổi sinh viên giữa chương trình tài năng và chương trình đại trà do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật ký và báo cáo về Ban chỉ đạo đề án cấp ĐHQG-TP.HCM.

10.2 Điều kiện chuyển đổi giữa sinh viên chương trình tài năng và chương trình đại trà, chất lượng cao

10.2.1 Ngưng tham gia chương trình tài năng

- Nếu có nguyện vọng, sinh viên có thể đề nghị ngưng tham gia chương trình tài năng để

chuyển sang chương trình/ngành học đã trúng tuyển ban đầu.

- Khi được chuyển sang chương trình/ngành học đã trúng tuyển ban đầu, sinh viên được bảo lưu các kết quả học tập đang có, kể cả số tín chỉ tài năng tích lũy.
- Các trường hợp khác do Ban Giám hiệu xem xét và quyết định.

10.2.2 Bổ sung vào chương trình tài năng

- Xét tuyển bổ sung gồm 1 đợt được thực hiện vào cuối học kỳ IV.
- Sinh viên thuộc chương trình đại trà được xét tuyển bổ sung vào chương trình đào tạo Cử nhân tài năng nếu có đầy đủ các điều kiện sau:
 - ✓ Điểm trung bình tích lũy tính đến thời điểm xét tuyển bổ sung từ 7,5 trở lên.
 - ✓ Có chứng chỉ TOEIC 450 hoặc tương đương hoặc điểm môn Anh văn tính đến thời điểm xét tuyển bổ sung không có học kỳ nào dưới 7.
 - ✓ Điểm rèn luyện tính tới thời điểm xét tuyển bổ sung tối thiểu là 70.
- Số lượng xét tuyển bổ sung phải đảm bảo điều kiện về quy mô lớp học. Sinh viên hội đủ các điều kiện xét tuyển bổ sung có nguyện vọng tham gia Chương trình đào tạo Cử nhân tài năng phải thực hiện thủ tục đăng ký xét tuyển bổ sung trong thời hạn quy định.
- Sinh viên ưu tú từ các lớp đại trà có nguyện vọng tham gia chương trình đào tạo Cử nhân tài năng được xét tuyển bổ sung vào chương trình tài năng nếu còn chỉ tiêu và thỏa điều kiện tuyển chọn được quy định tại Mục 5.1
- Thời hạn tuyển bổ sung không được trễ hơn học kỳ 1 năm thứ ba.

10.2.3 Cho ra khỏi chương trình tài năng

- Sàng lọc gồm 2 đợt được thực hiện vào cuối học kỳ IV và VI.
- Sinh viên sẽ bị loại khỏi Chương trình đào tạo Cử nhân tài năng nếu vi phạm 1 trong các tiêu chí sau:
 - ✓ Có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm sàng lọc dưới 7,5.
 - ✓ Có điểm môn Anh văn dưới 7.
 - ✓ Điểm rèn luyện tính tới thời điểm sàng lọc dưới 70.
 - ✓ Vắng trên 20% số buổi học của bất kỳ môn học nào trong giai đoạn đào tạo tài năng.

- Sinh viên sau khi được cho ra khỏi chương trình tài năng áp dụng tiếp quy định như sinh viên ngưng tham gia chương trình tài năng.
- Sinh viên tham gia chương trình đào tạo Cử nhân tài năng được sàng lọc trả lại chương trình đại trà nếu không đạt yêu cầu.

10.3 Điều kiện tốt nghiệp của sinh viên chương trình tài năng

Sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình Đào tạo Tài năng” nếu thỏa đủ các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng
- Hoàn thành chương trình đào tạo tài năng (đạt số tín chỉ tích lũy ngành và số tín chỉ tài năng tích lũy) và thỏa các điều kiện tốt nghiệp khác theo quy định
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy
- Có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
- Có điểm Khóa luận tốt nghiệp từ 7,5 trở lên, có điểm trung bình tích lũy ngành từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên
- Có trình độ Anh văn đạt chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp chương trình tài năng được quy định trong Quy chế đào tạo và học vụ của trường.

Trường hợp sinh viên chương trình tài năng không thỏa đủ các điều kiện trên nhưng đủ điều kiện xét tốt nghiệp chương trình khác thì được xét cấp bằng tốt nghiệp chương trình khác.

11. Nội dung chương trình

11.1 Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 41 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
		TOÁN VÀ KHTN	10	13		
		Môn bắt buộc: 10 TC				
1	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	3	2	
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	1	1	
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	2	1	
		KHXX & NV	19	19		
		Môn bắt buộc: 13 TC				
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5		

2	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	2	1	
3	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
4	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
		Môn tự chọn: 06 TC				
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
3	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
4	GEN1106	Xã hội học	2	2		
5	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
6	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		
7	GEN1107	Logic học	3	2	1	
8	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	
		KHOA HỌC KT	12	12		
		Môn bắt buộc: 12 TC				
1	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	2	1	
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	
3	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	2	1	
4	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3	2	1	
	NN	NN KHÔNG CHUYÊN	10	8	2	
		GDTC & GDQP				
1	GT	GDTC (GT 01/GT 02)	5	2	3	
2	GDQP	GDQP (4 tuần)	165 tiết	45 iết		

11.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 89 tín chỉ

11.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 19 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ				
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	NÂNG CAO	KHÁC
		Môn bắt buộc: 14 TC					
1	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	2	1		
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	2	1		
4	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			

5	BUS 1200	Marketing căn bản	3	2	1		
		Môn tự chọn: 05 TC					
1	GEN1109	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	3		Môn tài năng lớp riêng	Bắt buộc SV TN
2	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		Môn tài năng lớp riêng	Bắt buộc SV TN
4	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2			
5	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1		

11.2.2. Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất): 60 tín chỉ

11.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính: 60 tín chỉ (không tính ngoại ngữ chuyên ngành 30 tín chỉ)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	NÂNG CAO
		Môn bắt buộc: 48 TC				
1	ACC1023	Kế toán tài chính	3	2	1	
2	ACC1033	Kế toán Tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	2	1	
3	ACC1044	Kế toán Tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	4	3	1	Môn tài năng
4	ACC1163	Thuế - Thực hành và khai báo	3	2	1	
5	ACC1113	Kế toán quản trị	3	2	1	Môn tài năng
6	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	4	3	1	Môn tài năng
7	ACC1533	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	2	1	
8	ACC1543	Kiểm toán 2 (Kiểm toán nâng cao)	3	3		
9	ACC1553	Kiểm soát và kiểm toán NB	3	2	1	
10	ACC1583	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN	3	2	1	
11	ACC1593	Phân tích BCTC	3	2	1	Môn tài năng
12	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	

13	FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính DN)	3	2	1	
14	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
15	ACC1083	Kế toán quốc tế	2	2		Môn tài năng
16	BUS1108	Quản trị rủi ro	3	2	1	
		Môn tự chọn: 12 TC				
1	FIN1251	Thanh toán quốc tế	3	2	1	
2	FIN1203	Ngân hàng	3	2	1	
3	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3		
4	ACC1153	Kế toán ngân hàng (Kế toán ngân hàng thương mại)	3	2	1	
5	ACC1183	Chuẩn mực Trình bày BCTC quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)	3	2	1	Môn tài năng – bắt buộc SV CNTT
6	ACC1053	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	3	3		
7	FIN1152	Thị trường chứng khoán	3	3		
8	ACC1123	Kế toán quản trị NC	3	2	1	
9	ACC1063	Kế toán phần hành 1 (Sổ sách và báo cáo kế toán)	3	2	1	
10	ACC1073	Kế toán phần hành 2 (Tin học kế toán)	3	2	1	
11	ACC1173	Khuôn mẫu khái niệm kế toán quốc tế (Lý thuyết và khái niệm kế toán)	3	2	1	
12	Chi tiết ở	NN CHUYÊN NGÀNH 1, 2, 3, 4 (không	20	16	4	

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5		1		ENG1003

11.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính:

11.2.3. Kiến thức ngành thứ hai

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
	FIN1104	Thuế	3	3			
	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

1	ACC1133	Kế toán quản trị	3	3			ACC1013
2	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1 (Sổ sách và báo cáo kế toán)	3	3			ACC1013
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1593	Phân tích báo cáo tài chính	3	3			ACC1034
6	ACC1033	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	3			ACC1013

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	

4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001

							LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

11.2.4. Kiến thức bổ trợ tự do

11.2.5. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

11.2.6. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc học các HPCM: 10 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
1	BC02	Thực tập cuối khóa	4		4	Môn tài năng

2	KL01	Khóa luận TN	6		6	Môn tài năng
---	------	--------------	---	--	---	--------------

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
- Khóa luận tốt nghiệp (6TC) và báo cáo thực tập (4TC) được tính là môn học tài năng và được yêu cầu cao hơn so với sinh viên đại trà.

11.2.7 Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	PHẦN MỞ RỘNG			
			ĐỒ ÁN/ĐỀ TÀI (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT TRONG HAI HÌNH THỨC SAU)		LÝ THUYẾT BỔ SUNG	THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH BỔ SUNG
			LỚP RIÊNG	KHÔNG CÓ LỚP RIÊNG		
1.	GEN1108	Phương pháp NCKH	X			
2.	GEN1109	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	X			
3.	ACC1044	Kế toán tài chính chuyên ngành 2		X		
4.	ACC1083	Kế toán quốc tế		X		
5.	ACC1113	Kế toán quản trị		X		
6.	ACC1183	Chuẩn mực Trình bày BCTC quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)		X		
7.	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán		X		
8.	ACC1593	Phân tích BCTC		X		
9.	TTTN	Báo cáo thực tập		X		
10.	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp		X		

12. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ
HỌC KỲ I: 18 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		Môn học tự chọn	2	2			
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2 môn chọn 1	2	2		
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
7	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3		

HỌC KỲ II: 18 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	14	14			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
		Môn học tự chọn	4	4			
6	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2		
7	GEN1106	Xã hội học		2	2		
8	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2		
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

HỌC KỲ III: 20TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		Lưu ý
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc		15	15				
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3				
2	ACC1023	Kế toán tài chính		3	3			ACC1013	
3	BUS 1200	Marketing căn bản		3	3				
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001 ECO1002	
5	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	3			MAT1001 MAT1002	
		Môn học tự chọn		5					
1	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3			Bắt buộc với SV CNTT	Môn TN lớp riêng
2	MIS1004	Tin học ứng dụng	3 môn chọn 1	3	2	1			
3	GEN1107	Logic học		3	3				
4	MAT1004	Kinh tế lượng (lịch học được bố trí vào học kỳ 4)		3	2	1		MAT1001 MAT1002 MAT1003	

HỌC KỲ IV: 18TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		Lưu ý
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc: 15 TC							
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2				
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2				
3	BUS 1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)		3	3			FIN1101	
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	1	1			

5	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3	3				
6	ACC1033	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	3			ACC1013	
		Môn học tự chọn chuyên sâu : 3 TC						
1	FIN1251	Thanh toán quốc tế	3	3				
2	FIN1203	Ngân hàng	3	3				
3	ACC1173	Khuôn mẫu khái niệm kế toán quốc tế	3	3				

HỌC KỲ V: 17TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		Lưu ý
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc: 14 TC						
1	ACC1163	Thuế - Thực hành và khai báo	3	3				
2	ACC1044	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	4	4			ACC1013	Môn tài năng
3	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	3	3				
4	ACC1504	Lý thuyết kiểm toán	4	4				Môn tài năng
5	GEN1109	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	3				Môn tài năng lớp riêng
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)						
1	ACC1153	Kế toán ngân hàng (Kế toán ngân hàng thương mại)	3	3			ACC1013	

HỌC KỲ VI : 17TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		Lưu ý
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi	
		Môn học bắt buộc: 14 TC						
1	ACC1533	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	3				

2	ACC1113	Kế toán quản trị	3	3				Môn tài năng
3	ACC1083	Kế toán quốc tế	2	2				Môn tài năng
4	ACC1573	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN	3	3				
5	ACC1583	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3			ACC1 033	Môn tài năng
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)						
1	ACC1053	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	3	3			ACC1 033	
2	ACC1183	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS)	3	3			ACC1 083	Môn tài năng – bắt buộc SVTN
3	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3				
4	FIN1152	Thị trường chứng khoán	3	3				

HỌC KỲ VII : 12 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc: 09 TC					
1	ACC1533	Kiểm soát và kiểm toán NB	3	3			
2	ACC1543	Kiểm toán 2	3	3			
3	BUS1108	Quản trị rủi ro	3	3			
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)					
1	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3			ACC1013
2	ACC1073	Kế toán phần hành 2	3	3			ACC1013
3	ACC1123	Kế toán quản trị nâng•cao	3	3			ACC1113

HỌC KỲ VIII : 10 TC

			SỐ TÍN CHỈ
--	--	--	-------------------

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
1	BC02	Thực tập cuối khóa	4		4	Môn tài năng
2	KL01	Khóa luận TN	6		6	Môn tài năng

13. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

Các môn đại cương bắt buộc

1) Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2) Môn học: LÝ THUYẾT XÁC XUẤT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

3) Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học: Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

4) Môn học: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ

Thời lượng: 5 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Theo chương trình được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo

5) Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước

6) Môn học: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có hiểu biết về những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác Lê nin.

Nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

7) Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Nội dung môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

8) Môn học: KINH TẾ VI MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng

Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

9) Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ.

Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

10) Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học: Kết thúc môn học, sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

11) Môn học: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Giới thiệu nguồn gốc chiến lược, các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược cũng như vai trò vị trí và mối quan hệ của quản trị chiến lược với các lĩnh vực khác trong hoạt động kinh doanh của mỗi tổ chức. Ý nghĩa, vai trò và ứng dụng được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu doanh nghiệp. Phân tích về môi trường kinh doanh, phân tích nội bộ doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh để từ đó xây dựng chiến lược kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược nhằm đạt hiệu quả cao trong quản trị. Hoạt động kiểm tra trong quản trị, những nội dung cần được kiểm tra và các hoạt động điều chỉnh sau kiểm tra. Khám phá năng lực bản thân để sẵn sàng cho việc trở thành nhà quản trị chiến lược thành công trong tương lai.

Các môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng bắt buộc

1) Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

2) Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

Các môn đại cương tự chọn

1) Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam. Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

2) Môn học: TÂM LÝ HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức về các khái niệm hoạt động nhận thức, trí nhớ, đời sống tình cảm, hành động ý chí, nhân cách, giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách con người.

3) Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các hình thức, phương tiện giao tiếp trong kinh doanh.

4) Môn học: VĂN HÓA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

5) Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó

bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

6) Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

7) Môn học: QUAN HỆ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

8) Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng

Nội dung môn học: Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

Các môn cơ sở ngành bắt buộc

1) Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học là những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin BCTC.

2) Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

3) Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học: Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức)...

4) Môn học: KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

Nội dung môn học: Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

5) Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng. Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

Các môn cơ sở tự chọn

9) Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

10) Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải áp dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học.

Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng trình bày; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.

Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng như làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, ... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp sinh viên hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

11) Môn học: TIN HỌC ỨNG DỤNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học căn bản về thông tin – quản lý thông tin, hệ điều hành và phần mềm hỗ trợ, internet, và một số ứng dụng cơ bản để sinh viên có thể sử dụng trong học tập như tra cứu thông tin, soạn thảo văn bản...

12) Môn học: TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Nội dung môn học: Giúp Sinh viên nắm vững và đi sâu vào kiến thức về **tâm lý** con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý con người, các qui luật tâm lý (thuyết Đức trị, thuyết Pháp trị). Từ đó vận dụng phương pháp Tư duy (bao gồm cả 3 phương pháp: phương pháp phân tích, phương pháp đánh giá, phương pháp suy luận). Đồng thời vẫn phải đảm bảo 3 nguyên lý trong Nghệ thuật lãnh đạo (nguyên lý 1: chân thành, thật tình; nguyên lý 2: tiên trách kỷ mà không có hậu trách nhân; nguyên lý 3: phù hợp với Văn hóa Á Đông). Giải quyết các vấn đề trong nghệ thuật lãnh đạo bằng cách **đung hòa** các mối quan hệ.

Các môn học chuyên ngành bắt buộc

1) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản: Kế toán các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; Kế toán các khoản đầu tư; Kế toán các khoản vay; Kế toán hoạt động khác và xác định KQKD; Kế toán vốn chủ sở hữu và tìm hiểu một số quy định, cơ sở dữ liệu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm; Kế toán tiêu thụ thành phẩm.

3) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 2

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: tiền, các khoản thanh toán, BDS đầu tư và đầu tư tài chính, hoạt động khác, vốn chủ sở hữu và phân phối kết quả kinh doanh.

4) Môn học: THUẾ - THỰC HÀNH VÀ KHAI BÁO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến bản chất và ảnh hưởng của thuế, chính sách và các quy định về thuế đến doanh nghiệp tại Việt Nam. Các phương pháp tính thuế, lập báo cáo thuế, nghiên cứu các điều kiện nộp thuế, miễn giảm thuế,...chỉnh sửa báo cáo thuế.

5) Môn học: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: This course emphasizes the principles and techniques of management and cost accounting. It focuses on the concepts and methods relevant to providing accounting and related data for management planning and control purposes, includes:

- Describe cost behaviour under different assumptions and compare cost systems designed to

provide relevant and timely information to managers for resource management and allocation decisions.

- Apply conventional and contemporary cost management techniques used in manufacturing industries.
- Explain the benefits and limitations of contemporary cost management techniques.
- Apply standard costing and budgeting techniques that enable managers to measure and monitor performance.
- Apply critical thinking and problem solving skills to individual and /or group activities dealing with cost information for decision making.

6) Môn học: LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Học phần này giới thiệu nội dung chú trọng vào hoạt động kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính. Sinh viên sẽ áp dụng những nguyên tắc lý thuyết để ứng dụng thực hiện công tác kiểm toán cụ thể.

Nội dung môn học bao gồm tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, tìm hiểu một số quy trình cơ bản của một doanh nghiệp như là : bán hàng – phải thu; mua hàng – phải trả; tính lương ... Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn cách nhận diện gian lận và sai sót liên quan đến báo cáo tài chính, đánh giá rủi ro kiểm toán và các thành phần rủi ro từ đó kiểm toán viên có những biện pháp xử lý rủi ro, các kỹ thuật thu thập bằng chứng cụ thể nhằm đảm bảo kiểm toán viên có thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để phát hành báo cáo kiểm toán hợp lý.

7) Môn học: KIỂM TOÁN 1 (Kiểm toán phần hành)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm việc áp dụng những kiến thức liên quan đến quy trình thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm ba (3) giai đoạn: Lập kế hoạch; thực hiện; hoàn thành và lập báo cáo kiểm toán.

Môn học nhấn mạnh kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại một doanh nghiệp cụ thể. Môn học cũng trang bị những kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc của một kiểm toán viên độc lập như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện...

8) Môn học: KIỂM TOÁN 2 (Kiểm toán nâng cao)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc kiểm toán chuyên sâu và vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức công tác kiểm toán – cụ thể là kiểm toán độc lập trong nền kinh tế hiện nay.

9) Môn học: KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc của hệ thống kiểm soát nội bộ và các vấn đề thực tiễn liên quan đến việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp những kiến thức tổng quan về hoạt động kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện các dịch vụ của kiểm toán nội bộ trong nền kinh tế hiện nay. Môn học giúp sinh viên làm quen với công việc của kiểm toán viên nội bộ, ôn lại các kiến thức liên quan đã được học và rèn luyện các kỹ năng cần có khi thực hiện công việc kiểm toán nội bộ.

10) Môn học: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:Part 1 provides not only the appropriate knowledge of professional ethics, but also regulatory regimes, compliance requirement of conducting an accounting or auditing in companies. This part includes professional overview, professional and corporate ethics and ethics decision making. Part 2 provides the core component of the knowledge and skill base of corporate governance system. This part includes corporate governance overview, board of Directors and related issues, corporate governance approaches, corporate social responsibility (CSR) and Corporate governance.

11) Môn học: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)

Nội dung môn học:Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến phân tích báo cáo tài chính trên ba khía cạnh: phân tích chiến lược, môi trường kế toán và phân tích tài chính. Sinh viên sẽ được phân nhóm và nghiên cứu về một số công ty trên thị trường. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin tài chính và phi tài chính, phục vụ cho công tác ra quyết định của nhà quản trị.

12) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).

Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thông nhất

13) Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thị trường tài chính

Nội dung môn học: Môn học Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư.

Các nội dung bao quát trong chương trình gồm:

- Tổng quan về quản trị tài chính
- Báo cáo tài chính và dòng tiền
- Phân tích báo cáo tài chính
- Giá trị theo thời gian của tiền
- Rủi ro và lợi nhuận
- Các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư
- Ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án

14) Môn học: KẾ TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:This subject is an introduction to the basic concepts and standards underlying

international accounting. International Accounting is the study of an entity reported as either a multinational company or an entity whose reporting obligations to stakeholders are located in a country other than that of the reporting entity. A detailed investigation on the convergence of U.S. Generally Accepted Accounting Principles (GAAP) and International Financial Reporting Standards (IFRS) serves as a foundation for this subject. Several important concepts will be studied in detail, including: analyzing and recording transaction, adjusting accounts, completing the accounting cycle, merchandising operations, inventory, accounts receivable, accounts payable, accounting information system and internal control of cash. The course emphasizes the construction of the basic financial accounting statements - the income statement, statement of owner's equity, balance sheet, and cash flow statement - as well as their interpretation.

15) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.

Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kể đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi

16) Môn học: QUẢN TRỊ RỦI RO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Quản trị rủi ro là một hoạt động rất cần thiết áp dụng cả trong kinh doanh lẫn cuộc sống hàng ngày. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp giúp các nhà quản trị chủ động kiểm soát những tổn thất và đôi lúc biến rủi ro thành cơ hội trong kinh doanh. Môn học “Quản trị rủi ro” giúp sinh viên có một kiến thức tổng quát về quản trị rủi ro từ nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Nếu nắm vững những kiến thức trên nhà quản trị không chỉ tìm ra những giải pháp phòng ngừa, né tránh và hạn chế những thiệt hại do rủi ro gây ra mà trong một số trường hợp còn biến rủi ro thành cơ hội. Một số rủi ro chủ yếu của doanh nghiệp như: rủi ro tác nghiệp, rủi ro tài chính, ... được giới thiệu trong môn học sẽ giúp sinh viên hiểu biết thêm và có kiến thức thực tiễn trong quản trị rủi ro.

17) Môn học: THỰC TẬP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Thực tập là tập sự công việc thực tế, rèn luyện kỹ năng mềm, thực hành các lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh hoặc kiểm toán, tin học hoá công tác kế toán ở một đơn vị thực tế, nhằm trang bị cho sinh viên sắp tốt nghiệp các kỹ năng của ngành nghề kế toán kiểm toán. Sinh viên có thể thực tập tại một đơn vị sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp hoặc một công ty kiểm toán, sinh viên có thể chọn đề tài thuộc lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm toán, hoặc hệ thống thông tin kế toán.

Trong quá trình thực tập, sinh viên phải tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn, sưu tầm tài liệu làm cơ sở viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp/KLTN với đề tài tự chọn. Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp/KLTN phải được đơn vị thực tập nhận xét, đánh giá và nộp theo đúng quy định của Trường, Khoa.

Các môn học chuyên ngành tự chọn

1) Môn học: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu thị trường tài chính quốc tế, các công cụ tài chính trên thị trường tài chính quốc tế, đi sâu nghiên cứu thị trường ngoại hối, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường ngoại hối. Môn học nghiên cứu sâu lý thuyết về tỉ giá, các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ giá, mối liên hệ giữa tỉ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Môn học cũng đi sâu nghiên cứu về cán cân thanh toán quốc tế, ý nghĩa của cán cân thanh toán quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, các chính sách điều tiết cán cân thanh toán. Môn học nghiên cứu về vấn đề nợ quốc gia, các lý thuyết về nợ quốc gia, nguyên nhân nợ quốc gia và các giải pháp giải quyết vấn đề nợ quốc gia

2) Môn học: NGÂN HÀNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trình bày về các kiến thức cơ bản và nền tảng chuyên sâu về tiền tệ, quá trình phát hành tiền và điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương cùng với các nguyên lý hoạt động của hệ thống ngân hàng.

3) Môn học: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên về các phương thức thanh toán, phương tiện thanh toán, các tập quán và các chứng từ được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế.

4) Môn học: KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về các nghiệp vụ ngân hàng phổ biến ở các ngân hàng thương mại như huy động vốn, cho vay, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế được lồng ghép vào kiến thức về công tác kế toán các phần hành này trong ngân hàng thương mại. Môn học trình bày nguyên tắc chung khi thực hiện công tác kế toán tại các ngân hàng thương mại vì mỗi ngân hàng thương mại có hệ thống riêng về phần mềm quản trị cũng như phần mềm kế toán.

5) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 3

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)

Nội dung môn học: Nội dung của môn học bao gồm những kiến thức về kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh đặc thù như: doanh nghiệp kinh doanh thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, chủ đầu tư, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

6) Môn học: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học thị trường chứng khoán gồm 4 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán. Sinh viên được trang bị các nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động của Thị trường chứng khoán của các thành phần tham gia cốt lõi trên thị trường. Những quy định về giao dịch và phương pháp đầu tư chứng khoán.

7) Môn học: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị

Nội dung môn học: This course emphasizes the principles and techniques of strategic management for managing the resources and creating value. It focuses on the concepts and methods relevant to providing accounting and related data for management strategy and implementation, includes:

- Create a simple map to communicate strategic direction
- Understand the power of performance measurement in guiding strategy execution
- Gain a realistic view of what balanced scorecards can and cannot deliver.
- Design KPIs to align activity to strategy and encourage the right behaviour.
- Understand how to manage suppliers and customers and how to manage costs and quality of goods or services.
- Gain a view of sustainable development of the organization in adopting management accounting.
- Create the strategies to setting price in the market for single and multiple product mix.

8) Môn học: KẾ TOÁN PHẦN HÀNH 1 (SỔ SÁCH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về: tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán và Báo cáo tài chính; thực hành lập và hoàn chỉnh chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

9) Môn học: KẾ TOÁN PHẦN HÀNH 2 (TIN HỌC KẾ TOÁN)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến phương pháp sử dụng phần mềm kế toán bao gồm: phương pháp tổ chức công tác kế toán đối với một đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán; phương pháp phân công, phân nhiệm trong kế toán đối với đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán; Phương pháp kế toán các phần hành hàng tồn kho, công nợ, tài sản cố định, tiền,... đối với đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán.

10) Môn học: CHUẨN MỰC TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (kế toán quốc tế nâng cao)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quốc tế

Nội dung môn học: This course serves as a roadmap to provide guidance and a path through the period of convergence of international reporting standards for major students. It includes intensive IFRSs covering all important items of financial statements (FS): Presentation of FS (IAS 1), Cash flow statement (IAS 7), Inventory (IAS 2) and other special – issues as Conceptual Framework (Framework), Provisions and contingent assets, contingent liabilities (IAS 37), Non current assets held for sale and discontinued operations (IFRS 5), Accounting policies, estimates and errors (IAS 8) and Events after balance sheet date (IAS 10).

The content of each chapter follows the same headings as used in the IASB statement: objective and scope, recognition, measurement, presentation and disclosures.

Illustrations and tables are included to enhance students' understanding by a walkthrough of mini scenarios and exercises interspersed throughout the chapter. Short excerpts/note disclosures from actual financial statements prepared under IFRS are also provided in each lecture.

11) Môn học: KHUÔN MẪU KHÁI NIỆM KẾ TOÁN QUỐC TẾ (Lý thuyết và khái niệm kế toán)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết cơ bản về những quy định, khái niệm nền tảng về trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế về trình bày báo cáo tài chính (IFRS). Trong đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn nhận biết các thành phần của báo cáo tài chính, các điều

kiện ghi nhận ghi nhận tài sản, nợ, doanh thu, chi phí ..., các phương pháp đánh giá tài sản, trình bày báo cáo và công bố thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

12) Môn học: CHUYÊN ĐỀ

12.1 Chuyên đề 1: Môn học: TÍCH HỢP QUY TRÌNH KINH DOANH VỚI CÁC HỆ THỐNG ERP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học gồm 2 phần.

Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các quy trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực tập với Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay là SAP ERP với gói Dataset GBI2 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program).

Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các quy trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các quy trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các quy trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất. Trong phần này, sinh viên được thực tập trên SAP ERP với rất nhiều các real-world case study (do UAC cung cấp) xoay quanh doanh nghiệp GBI2, một doanh nghiệp có qui mô tổ chức trên phạm vi toàn cầu, sinh viên được tham gia đóng vai trò như một chuyên viên tác nghiệp trong từng phòng ban của doanh nghiệp GBI2.

12.2 Chuyên đề 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm :giới thiệu môi trường pháp lý và giải thích các thuật ngữ chung; Xác định tổ chức kinh tế và điều kiện ảnh hưởng kiểm soát; Phân tích giao dịch mua, kế toán lợi thế thương mại; Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh; Quy trình nhập dữ liệu và xử lý số liệu khi lập báo cáo hợp nhất.

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Thu Thủy, 1975		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán tài chính doanh nghiệp	1. Nguyên lý kế toán
2	Nguyễn Thị Khoa, 1968		Tiến sỹ, VN, 2016 (Đại học, Nga, 1990, ThS VN 2002 QTKD)	Kinh tế	1. Kế toán tài chính
3	Hồ Xuân Thủy, 1976		Tiến sỹ, VN, 2016	Kế toán	2. Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)

4	Lợi Minh Thanh, 1976		Thạc sỹ, VN, 2004	Kế toán – Kiểm toán	3. Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)
5	Phan Đức Dũng, 1967, Phó Trưởng khoa KTKT	Phó giáo sư, 2015	Tiến sỹ, VN, 2002	Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế	4. Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)
6	Nguyễn Chí Hiếu, 1984		Thạc sỹ, VN, 2011	Kế toán – Kiểm toán	5. Thuế thực hành và khai báo
7	Trương Thị Hạnh Dung, 1988		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	6. Kế toán quốc tế
8	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, 1987		Thạc sỹ, Singapore, 2012	Kế toán quản lý	7. Kế toán quản trị
9	Nguyễn Thị Phượng Loan, 1985		Thạc sỹ, VN, 2013	Kinh tế tài chính ngân hàng (Cử nhân KTKT)	9. Kế toán quản trị nâng cao
10	Phạm Thị Huyền Quyên, 1974		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán	10. Kế toán phần hành 1 (Sổ sách và báo cáo kế toán)
11	Phạm Quốc Thuần, 1974		Tiến sỹ, VN, 2016	Kế toán	11. Kế toán phần hành 2 (Tin học kế toán)
12	La Xuân Đào, 1959, Trưởng bộ môn Kiểm toán		Tiến sỹ, VN, 2013 (Thạc sỹ, Philippines, 1994)	Kinh tế học	12. Lý thuyết kiểm toán
13	Đào Vũ Hoài Giang, 1978		Thạc sỹ, VN, 2005	Kinh tế tài chính ngân hàng	13. Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)
14	La Xuân Đào, 1959, Trưởng bộ môn Kiểm toán		Tiến sỹ, VN, 2013 (Thạc sỹ, Philippines, 1994)	Kinh tế học	14. Kiểm toán 2 (Kiểm toán nâng cao)
15	Trương Thị Hạnh Dung, 1988		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	15. Khuôn mẫu khái niệm kế toán quốc tế (Lý thuyết và khái niệm kế toán)
16	Trần Thanh Thúy Ngọc, 1983		Thạc sỹ, VN, 2009	Kế toán	16. Đạo đức nghề nghiệp và Quản trị doanh nghiệp
17	Hồng Dương Sơn, 1976 (*)		Thạc sỹ, VN, 2004 (NCS, VN, 2017)	Kế toán – Kiểm toán	17. Phân tích báo cáo tài chính
18	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	18. Kiểm soát và kiểm toán nội bộ
19	Nguyễn Thị Lan Anh, 1969, Trưởng Khoa KTKT kiêm trưởng bộ môn Kế toán		Tiến sỹ, Úc, 2014	Tài chính kế toán	19. Chuẩn mực trình bày BCTC quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)

20	Khoa Hệ thống thông tin		Tiến sỹ	Hệ thống thông tin	20. Chuyên đề 1: Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP 1
21	Hồng Dương Sơn, 1976 (*)		Thạc sỹ, VN, 2004 (NCS, VN, 2017)	Kế toán – Kiểm toán	21. Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất

15. Danh sách cổ vấn học tập

- K17409: Nguyễn Hoàng Diệu Hiền
- K17409C: Nguyễn Chí Hiếu
- K18409: Mai Thị Phương Thảo
- K18409C: PGS TS Phan Đức Dũng

15. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

15.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng máy 1	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-T-Luật	
2	Phòng máy 2	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-T-Luật	
3	Phòng máy 3	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-T-Luật	
4	Phòng máy 4	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-T-Luật	

15.2. Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

15.3. Giáo trình, tập bài giảng:

ST T	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1.	Nguyên lý kế toán	-Kế toán đại cương -Bài tập Kế toán đại cương	Bộ môn Kế toán, Khoa KTKT- Trường ĐH Kinh tế - Luật	ĐHQG - HCM	2009 2009
2.	Kế toán tài chính	Kế toán tài chính Bài tập Kế toán tài chính	ThS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên) Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy, Phan Đức Dũng	ĐHQG - HCM	2006 2011
3.	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	Kế toán tài chính Bài tập Kế toán tài chính	ThS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên) Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy, Phan Đức Dũng	ĐHQG - HCM	2006 2011
4.	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	Kế toán tài chính Bài tập Kế toán tài chính	ThS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên) Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy, Phan Đức Dũng	ĐHQG - HCM	2006 2011

	toán tài chính 1)		Khoa (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy, Phan Đức Dũng		
5.	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 1)	Kế toán tài chính Bài tập Kế toán tài chính	ThS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy, Phan Đức Dũng	ĐHQG - HCM	2006 2011
6.	Thuế - Thực hành và khai báo	- Kế toán thuế - Tập Bài giảng Thuế thực hành và khai báo	- Phạm Quốc Thuần, Hồ Xuân Thủy - Phạm Quốc Thuần, Nguyễn Chí Hiếu	ĐHQG - HCM	2009 2014
7.	Kế toán quốc tế	Fundamental Accounting Principles, 21st edition.	Wild, Larson and Chiappetta.	McGraw-Hill Irwin	2012
8.	Kế toán quản trị	- Management Accounting, 7edition. - Bài tập Kế toán quản trị	- Langfield-Smith, Thorne, Smith, Hilton - La Xuân Đào (chủ biên), Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, Phạm Thị Huyền Quyên, Nguyễn Thị Phương Loan, Phan Đức Dũng	- Mc-Graw-Hill Education (Australia) Pty Ltd - ĐHQG - HCM	2015
9.	Kế toán quản trị nâng cao	Management Accounting, 7edition	Langfield-Smith, Thorne, Smith, Hilton.,	Mc-Graw-Hill Education (Australia) Pty Ltd	2015
10.	Kế toán phần hành 1 (Sổ sách và báo cáo kế toán)	Bài giảng Kế toán phần hành 1	ThS Nguyễn Thị Khoa		2016
11.	Kế toán phần hành 2 (Tin học kế toán)	Bài giảng phần mềm kế toán	ThS Phạm Quốc Thuần		2016
12.	Lý thuyết kiểm toán	- Audit and Assurance Services: An Integrated Approach. - Bài tập Kiểm toán	- Alvin A.Arens, Randal J.Elder và Mark S. Beasley - La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đào Vũ Hoài Giang, Trần Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Mai Khánh	Pearson ĐHQG - HCM	2014 2015
13.	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	- Thực hành Kiểm toán - Kiểm toán	- La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đinh Tấn Tường - La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đào Vũ Hoài Giang, Đinh Tấn Tường	ĐHQG - HCM	2007 2015
14.	Kiểm toán 2 (Kiểm toán nâng cao)	Auditing: An Integrated Approach.	Arens, AA và Locbbecke, JK	Pearson	2013

15.	Khuôn mẫu khái niệm kế toán quốc tế (Lý thuyết và khái niệm kế toán)	-Những vấn đề cơ bản của lý thuyết kế toán -Accounting Theory (7th edition)	-Vũ Hữu Đức -Godfrey, Hodgson, Tarca, Hamilton & Holmes,	Lao động John Wiley & Sons	2010 2010
16.	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp	Business ethics : ethical decision making and cases, Mason, Ohio : South-Western/	O. C. Ferrell John Fraedrich, Linda Ferrell	Cengage Learning	2013
17.	Phân tích báo cáo tài chính	Business Analysis and Valuation: Using Financial Statements, Text and Cases Edition: 5th	Krishna G. Palepu and Paul M. Healy	South-Western college Pub	Nov 12, 2012
18.	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	Kiểm soát nội bộ	Khoa KTKT – Đại học Kinh tế Tp.HCM	Phương Đông	2010
19.	Chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)	IFRS Primer International GAAP Basics.	Irene M. Wiecek, Nicola M. Young,	Wiley	2010
20.	Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất	- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất - 5 chuẩn mực: Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái	BTC		2014

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục

tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**TM.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

ThS Hồng Dương Sơn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Dũng

HỒ CHỮ

